

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-6-2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Thành Phước.

+ Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu L - Sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp E, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 05 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 22

tháng 8 năm 2014 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân khoảng ba năm nay mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai người con chung là: Nguyễn Lê Hà P - Sinh ngày 03 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Lê Hà M - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2017, cả hai người con hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày là không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2022, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị L về việc kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân. Đồng thời anh T còn cho rằng do anh và chị L không thống nhất được với nhau về nơi sinh sống, trong khi đó vì khoảng cách địa lý quá xa xôi, anh phải chăm lo cho cha mẹ già ở ấp E, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre nên anh và chị L sống ly thân ba năm nay mà không đoàn tụ được. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có hai người con chung là: Nguyễn Lê Hà P - Sinh ngày 03 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Lê Hà M - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2017, cả hai người con hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi hai người con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày là không có.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị Thu L và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề

nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

(2) *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị Thu L được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị L với anh T là: Nguyễn Lê Hà P - Sinh ngày 03 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Lê Hà M - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2017 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị L), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

(3) *Về tài sản chung*: Không có nên không xem xét.

(4) *Về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh T có địa chỉ tại: ấp E, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị L và anh T cùng đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2014, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị L, anh T, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị L và anh T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân ba năm nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà masing sống. Chị L cho rằng hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi hai người con chung giữa chị với anh T là: Nguyễn Lê Hà P - Sinh ngày 03 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Lê Hà M - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2017, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cả hai người con hiện đang sống chung với chị L, anh T cũng đồng ý để chị L được nuôi con nên giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu L, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung:

Chị Lê Thị Thu L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn T là: Nguyễn Lê Hà P - Sinh ngày 03 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Lê Hà M - Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2017 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị L) cho đến khi các con đủ mười tám tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị L có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung, chị L, anh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu L phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005016 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu L, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã K;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyễn

